SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 678/TB-TTKSBT

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO
Nhu cầu mua sắm: Vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh năm 2023 đợt 2

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh xin trân trọng gửi tới Quý công ty danh mục hàng hóa Trung tâm có nhu cầu mua sắm *(Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục I);*

Kính mời Quý công ty quan tâm, có khả năng cung ứng các mặt hàng nêu trên cung cấp thông tin và báo giá về hàng hóa do đơn vị mình phân phối hoặc chào bán bao gồm các tài liệu sau:

- Thông số kỹ thuật cơ bản: Tên thương mại, hãng sản xuất, nước sản xuất, hãng chủ sở hữu, Chủng loại, cấu hình thông số kỹ thuật trang thiết bị y tế mà đơn vị đó đang cung cấp;
- Nhóm cụ thể của từng chủng loại theo thông tư 14/2020/TT-BYT (nếu có);
- Giá cụ thể của từng chủng loại;
- Báo giá hàng hóa *(Theo mẫu tại phụ lục II);*

(Các thông tin điền tại phụ lục 2 là ví dụ để các Quý công ty tham khảo)

Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước **10 giờ 00 phút ngày 17/4/2023**.

Địa chỉ tiếp nhận: Báo giá gửi bản scan *(theo mẫu và nội dung theo phụ lục II)* về địa chỉ email: dauthau.quangninhcdc@gmail.com , đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Khoa Dược, Vacxin và VTYT – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 651 Lê Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị báo giá cho toàn bộ mặt hàng thuộc phần báo giá và có thể báo giá cho một hoặc nhiều phần khác nhau.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ds Đào Hồng Quang – Khoa Dược, Vacxin và VTYT – Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 0972 176 288.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Y tế Quảng Ninh (để đăng tải);
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Tổ CGXDKH&LCNT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

PHỤ LỤC I

(Kèm theo công văn số 678/ TB-TTKSBT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
I	**PHẦN 1: HÓA CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH TẾ BÀO**						
1	Hóa chất sử dụng cho máy chiết tách tế bào	Thành phần: 01 lọ dung dịch PreservCyt Solution: - Thành phần: Dung dịch đệm bảo quản có chứa methanol. - Tác dụng: Bảo quản tế bào 01 chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung Rovers Cervex-Brush hoặc Cytobrush/Spatula - Được làm bằng nhựa PE - Tác dụng: Dùng để lấy tế bào cổ tử cung 01 màng lọc: - Tác dụng: Lọc tế bào và dán các tế bào lên lam kính. 01 lam kính ThinPrep: - Làm bằng thủy tinh - Tác dụng: giữ các tế bào bám dính trên bề mặt lam kính.	100 bộ/ thùng	Bộ	200	A	
2	Chất nhuộm tế bào (Thuốc nhuộm tiêu bản OG-6)	Nhuộm keraton trong tế bào, giảm kết tủa, giảm thời gian nhuộm. Sử dụng để nhuộm PAP	473ml/ chai	Chai	2	A	
3	Chất nhuộm tế bào (Thuốc nhuộm tiêu bản EA-50)	- Màu nhuộm bào tương sáng, có thể điều chỉnh cường độ màu - Sử dụng cho nhuộm PAP - Giảm kết tủa, giảm thời gian nhuộm	473ml/ chai	Chai	2	A	
4	Chất nhuộm tế bào (Hóa chất nhuộm nhân tế bào học)	Hóa chất chuyên dùng để nhuộm cho các qui trình nhuộm mô tế bào. Hoá chất hoạt tính: Hematoxylin 4,7%, Alum Ammonium Sulfate 94.8% + Hematoxylin B: 46.8 g/lọ + Hematoxylin A: 53.6 g/lọ	(6 lọ A + 6 lọ B)/ Hộp	Hộp	1	A	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		+ Nhiệt độ bảo quản: 15-25					
5	Chất gắn, cố định tế bào (Hóa chất dán Lamell)	Keo dán lam dạng pha sẵn, khô nhanh, chất nền là Toluene, giúp quan sát rõ và không gây ra mờ màu nhuộm kể cả lưu trữ dài	118mL/ Chai	Chai	1	A	
6	Dung dịch nhuộm (Dung dịch Lugol)	Thực hiện nhuộm soi xét nghiệm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram. - Thành phần: Iodine (0,33%), Potasium iodine (0,66%). - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm.	100 ml/ Chai	Chai	10	A	
7	Carbon Fuchsin	Fuchsin (A) hoạt động như hóa chất nhuộm ngược. Chỉ vi khuẩn Gram âm nhuộm màu đỏ - hồng. Vi khuẩn Gram dương không bị tẩy màu vẫn giữ màu xanh - đen	500 ml/ Chai	Chai	1	A	
8	Dung dịch nhuộm (Crystal Violet)	Thực hiện nhuộm soi xét nghiệm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram. - Thành phần: Crystal Violet (2%), - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm	100 ml/ Chai	Chai	5	A	
II	**PHẦN 2: XÉT NGHIỆM SINH HỌC PHÂN TỬ DỊCH VỤ**						
1	Hepatitis B Virus (HBV) PCR Kit	Sử dụng nguyên lý realtime PCR phát hiện định lượng và định tính virus HBV dựa trên sự khuếch đại trình tự bảo thủ trên khung đọc mở X (ORFx) và đo lường sự tăng tín hiệu huỳnh quang tương ứng trên kênh màu FAM. Cho phép phát hiện đặc hiệu virus HBV kiểu gen A-H từ mẫu huyết tương và huyết thanh. Bộ xét nghiệm bao gồm kiểm soát nội bộ (IC), được phát hiện trên kênh màu huỳnh quang HEX, sử dụng như một đối chứng cho toàn bộ quy trình chẩn đoán, giúp kiểm soát sự ức chế PCR và hiệu quả tách chiết DNA. Hepatitis B Virus (HBV) PCR Kit là công cụ chẩn đoán	100 test/Bộ	Bộ	6		6

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		được cấp chứng nhận CE cho trang thiết bị chẩn đoán lâm sàng theo Chỉ thị các Trang thiết bị y tế chẩn đoán in vitro 98/97/EC của Liên Minh Châu Âu. Được thiết kế để sử dụng chuyên dụng cho các phòng thí nghiệm nghiên cứu và lâm sàng chuyên ngành.					
2	Sinh phẩm chẩn đoán in vitro định lượng RNA vi rút HCV	Mục đích sử dụng: phát hiện HCV Genotype 1 - 6 Độ nhạy phân tích: 21 IU/mL Khoảng định lượng: 35 đến 1.77 x 10E7 IU/ml	72 test/Bộ	Bộ	1		6
3	Kit tách chiết DNA/RNA tự động	Sử dụng với Hệ thống Chiết xuất Nucleic Acid Miracle-AutoXT để làm sạch ADN và RNA của các mầm bệnh như vi khuẩn và vi rút từ máu tươi / máu đông lạnh, huyết thanh, dịch cơ thể, tế bào nuôi cấy, mô homogenate …. - Sử dụng công nghệ hạt từ để tách DNA / RNA. - Thu được DNA/RNA trong vòng chưa tới 1 giờ - Chất lượng DNA/RNA có độ tinh sạch cao, sử dụng cho các bước tiếp theo như PCR, RT-PCR, realtime PCR…. - Kit có thể đáp ứng tách từ 1 mẫu đến 32 mẫu theo nhu cầu sử dụng	48 Test/Hộp	Test	480		4
4	Sinh phẩm sàng lọc HPV nguy cơ cao bằng phương pháp Realtime PCR	bộ xét nghiệm cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện virus Papilloma của người (HPV) từ mẫu tăm bông cổ tử cung. Bộ thuốc thử này sử dụng trong xét nghiệm khuyếch đại ADN để định tính 14 chủng HPV có nguy cơ cao và 2 chủng HPV có nguy cơ thấp bằng hệ thống real-time PCR. Bộ thuốc thử này đặc biệt định tuýp được 2 chủng nguy cơ cao là 16, 18 và 2 chủng nguy cơ thấp là 6, 11, đồng thời phát hiện định tính các chủng nguy cơ cao khác gồm 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58,	96 test/Bộ	Bộ	1		6

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		59, 66 và 68.					
5	Sinh phẩm chẩn đoán Lao bằng phương pháp Realtime PCR	sử dụng nguyên lý realtime PCR phát hiện đặc hiệu M. tuberculosis dựa trên sự khuếch đại trình tự đa bản sao IS6110 và đo lường sự tăng tín hiệu huỳnh quang tương ứng trên kênh màu FAM, cho phép phát hiện đặc hiệu các chủng của phức hệ Mycobacterium tuberculosis (M. tuberculosis, M. bovis, M. africanum, M. microti, M. caprae và M. canettii) và các chủng có vacxin phòng (ví dụ, BCG). Bộ xét nghiệm bao gồm kiểm soát nội bộ, được phát hiện trên kênh màu huỳnh quang HEX, sử dụng như một đối chứng kiểm soát cả khả năng ức chế PCR và hiệu quả xử lý tinh sạch nucleic acid. Là công cụ chẩn đoán được cấp chứng nhận CE cho trang thiết bị chẩn đoán lâm sàng theo Chỉ thị các Trang thiết bị y tế chẩn đoán in vitro 98/97/EC của Liên Minh Châu Âu	25 test/Bộ	Bộ	1		6
III	**PHẦN 3: MÔI TRƯỜNG HÓA CHẤT KIỂM NGHIỆM NƯỚC THỰC PHẨM**						
1	Thạch XN colifom, ecoli bằng phương pháp lọc (Coliform Agar for microbiology Chromocult ®)	Môi trường hiện màu Chromocult Độ hòa tan: 26.5 g/l	500g/hộp	Hộp	1		
2	Bactident Oxidase	Que thử nghiệm xác định vi khu+C159:C164 ẩn sinh cytochrome oxidase	Hộp 50 que	Hộp	2		
3	Canh thang Lauryl Sulfate Broth	Môi trường nuôi cấy Thành phần Enzymatic Digest of Animal and Plant Tissues* 20 g/l; Lactose 5 g/l; K2HPO4 2.75 g/l; KH2PO4 2.75 g/l; NaCl 5 g/l; Sodium Lauryl Sulfate 0.1 g/l	500g/hộp	Hộp	2		

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
4	EC (Escherichia coli) broth	Môi trường nuôi cấy Thành phần môi trường Enzymatic Digest of Casein* 20 g/l; Lactose 5 g/l; Bile Salts Mixture** 1.5 g/l; K2HPO4 4 g/l; KH2PO4 1.5 g/l; NaCl 5 g/l	500g/hộp	Hộp	1		
5	Pepton đệm (Buffered Peptone Water)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone (includes Enzymatic Digest of Casein) 10 g/l; NaCl 5 g/l; Na2HPO4x 12 H2O 9 g/l; KH2PO4 1.5 g/l	500g/hộp	Hộp	2		
6	Peptone from casein (Tryptone)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone từ casein (tryptone)	500g/hộp	Hộp	1		
7	SS agar	Môi trường nuôi cấy thạch SS Thành phần phù hợp cho chọn lọc Salmonella và Shigella	500g/hộp	Hộp	1		
8	Thạch Nutrient agar	Môi trường nuôi cấy Tham khảo thành phần Peptone 5 g/l; Meat Extract 3 g/l; Agar-Agar* 12 g/l	500g/hộp	Hộp	1		
9	Thạch TBX (Tryptone Bile X-glucuronide) agar	Môi trường nuôi cấy Tham khảo thành phần gồm Enzymatic Digest of Casein 20 g/l; Bile Salts No. 3 1.5 g/l; 5-Bromo-4-chloro-3-indolylβ-D-glucuronic acid (BCIG) Cyclohexylammonium Salt 0.075 g/l ; Agar 9-18 g/l	500g/hộp	Hộp	1		
10	Thạch đếm Plate Count Agar (PCA)	Môi trường nuôi cấy Thành phần gồm Enzymatic Digest of Casein** 5 g/l; Yeast Extract 2.5 g/l; Glucose 1 g/l; Agar 9-18 g/l	500g/hộp	Hộp	1		
11	Thạch Baird-Parker base	Môi trường nuôi cấy Tham khảo thành phần Enzymatic Digest of Casein* 10 g/l; Meat Extract** 5 g/l; Yeast Extract 1 g/l; Sodium Pyruvate 10 g/l; Glycine 12 g/l; Lithium Chloride 5 g/l; Agar 12-22 g/l	500g/hộp	Hộp	1		

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
12	Lòng đỏ trứng có Tellurite (Egg yolk tellurite emulsion)	Thành phần bổ sung Môi trường nuôi cấy Thành phần gồm Sterile Egg-Yolk 200 ml/l; NaCl 4.25 g/l; Potassium tellurite 2.1 g/l	Hộp 10x50ml	Hộp	2		
13	Lòng đỏ trứng (Egg yolk emulsion)	Thành phần bổ sung Môi trường nuôi cấy Thành phần gồm Sterile Egg-Yolk 500 ml/l; NaCl 4.25 g/l	Lọ 100ml	Lọ	1		
14	Thuốc thử coagulase (Bactident® Coagulase Rabbit plasma with EDTA, lyophilized)	Thuốc thử coagulase Thành phần có chứa huyết tương thỏ đông khô	Hộp 6x3ml	Hộp	1		
15	Thạch TSC (Tryptose Sulfite Cycloserine) agar (base)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Enzymatic digest of casein 15 g/l; Yeast Extract 5 g/l; Enzymatic digest of soya 5 g/l; Sodium disulfite 1 g/l; Iron (III)ammonium citrate 1 g/l; Agar 9-18 g/l	500g/hộp	Hộp	1		
16	Clostridium perfringens Selective Supplement	Thành phần bổ sung Môi trường chọn lọc Clostridium perfringens. Thành phần mỗi vial gồm 200 mg D-Cycloserine 50 mg 4-Methylumbelliferylphosphate Disodium salt	Hộp 10 vial	Hộp	1		
17	Môi trường LS (Lactose sulfite broth)	Môi trường nuôi cấy Cho 01 lít môi trường: - Tryptone…4,44 g - Yeast extract.2,22 g - Cysteine hydrochloride.0,27 g - Lactose.8,89 g - Sodium chloride2,22 g - Sodium metabisulfite0,67 g - Ferric ammonium citrate.0,56 g	Theo quy cách NSX	Hộp	1		
18	Thạch MYP (Mannitol egg yolk polymyxin) agar	Môi trường nuôi cấy Thành phần Meat extract* 1 g/l; Enzymatic	500g/hộp	Hộp	1		

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
	(base))	digest of casein 10 g/l; D-Mannitol 10 g/l; NaCl 10 g/l; Phenol red 0.025 g/l; Agar 12-18 g/l					
19	Thành phần bổ sung B.cereus selective supplement	Thành phần bổ sung Môi trường nuôi cấy Thành phần Polymixin B 50.000 units	Hộp 10 vial	Hộp	1		
20	Máu Cừu khử sợi huyết (Sheep Blood Defibrinated)	- Máu cừu dùng trong pha chế các loại môi trường nuôi cấy vi khuẩn như: Blood D14 Muller Hinton Blood agar, Chocolate agar… - Đặc điểm kỹ thuật: Máu cừu đã được tách sợi huyết Đã được kiểm tra vô khuẩn. Không có kháng sinh Tỷ lệ hồng cầu cừu: 50-60% - Bảo quản: 2-8 độ, tránh ánh nắng trực tiếp - Đóng gói: chai thủy tinh 50-100-250ml - Hạn dùng: 3 tháng kể từ ngày sản xuất - Thời gian giao hàng: 4-5 ngày đặt hàng. Hạn dùng luôn luôn mới.	Bịch/Chai 100ml	Bịch/Chai	4		
21	Canh thang Brilliant-green bile Lactose broth	Môi trường nuôi cấy chọn lọc để làm giàu và đếm E.coli và các coliform khác từ nước, thực phẩm theo phương pháp MPN	500g/hộp	Hộp	2		
22	Thạch Symphony agar	Symphony Agar cho phép đếm nấm men và nấm mốc trong tất cả các mẫu thực phẩm của người và động vật mà không cần kể đến hoạt độ của nước. Nó có thể được sử dụng để kiểm soát các mẫu môi trường của khu vực sản xuất. Mẫu nước cũng có thể được phân tích bằng các màng lọc. Môi trường này cho phép định lượng chỉ trong vòng 3 ngày thay vì 5 ngày đối với các phương pháp bình thường. THÀNH PHẦN ĐẶC TRƯNG Các thành phần có thể được điều chỉnh để có được hiệu	500g/hộp	Hộp	1		

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		suất tối ưu Trong 1 liter môi trường: - Peptones 10.0 g - Glucose 18.0 g - Growth promoters 1.0 g - Selective system 1.0 g - Bacteriological agar 12 to 16.0 g					
23	Thạch TCBS	Môi trường nuôi cấy phân lập Vibrio spp, thành phần môi trường theo ISO 21872 hoặc FDA-BAM	500g/hộp	Hộp	1		
24	Môi trường Slanetz and Bartley (Slanetz and Bartley Agar)	Môi trường nuôi cấy định lượng enterococci trong nước và các chất lọc khác theo phương pháp màng lọc. Thành phần môi trường theo ISO 7899-2	500g/hộp	Hộp	1		
25	Bile Aesculin Azide Agar	Bile Aesculin Azide Agar, Theo ISO 7899-2 môi trường chọn lọc được sử dụng để phân lập và xác định giả định của Streptococci	500g/hộp	Hộp	1		
26	Thạch King's B (King's B agar base)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Proteose peptone 20.0; magnesium sulfate 1.5; tri-potassium phosphate 3-hydrate 1.8; agar-agar 10.0.	500g/hộp	Hộp	1		
27	Canh thang Acetamid (Acetamid broth)	Môi trường nuôi cấy PH: 7,0 ± 0,5 (H_2O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	500g/hộp	Hộp	1		
28	Màng lọc 0.45µ (Filter Cellulose Nitrate)	Kích thước màng lọc: Ø 47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.45 µm	100 miếng/hộp	Hộp	20		
29	Thạch bột	Thành phần bổ sung môi trường nuôi cấy làm đông môi trường	1000g/hộp	Hộp	1		
30	Thạch Sabouraud	Môi trường nuôi cấy	500g/hộp	Hộp	1		

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
	(SABOURAUD 4% dextrose agar)	Thành phần Peptone from Casein 5 g/l; Peptone from Meat 5 g/l; D (+)-Glucose (= Dextrose) 40 g/l; Agar-Agar 15 g/l					
31	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	Bộ 4 ống	Bộ	100		
32	Pseudomonas CN Selective supplement	Thành phần bổ sung môi trường Pseudomonas chọn lọc Thành phần mỗi vial gồm Cetrimide 0.1g; Nalidixic acid 0.0075	Hộp 10 vial	Hộp	1		
33	Canh thang EE Broth-MOSSEL	môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone from Gelatine 10 g/l; D (+)-Glucose 5 g/l; Ox Bile dried 20 g/l; Brilliant Green 0.015 g/l; Na2HPO4 * 2 H2O 8 g/l; KH2PO4 2 g/l	500g/hộp	hộp	1		
IV	**PHẦN 4: VẬT TƯ, HÓA CHẤT DÙNG CHUNG KHÁM CHỮA BỆNH**						
1	Găng tay y tế không bột (Polymer 2 mặt)	Sản xuất từ cao su thiên nhiên trên dây truyền đạt tiêu chuẩn ISO9001:2008, có độ cong phù hợp, đàn hồi tốt, cường độ kéo đứt min 20 Mpa tạo cảm giác thật khi sử dụng, Hàm lượng bột: ≤2mg/găng Hàm lượng protein: ≤2µg/dm2 Sức kéo: Trước lão hóa: 6N min Sau lão hóa: 6N min	100 chiếc/ Hộp	Đôi	8.000		6
2	Găng khám có bột	găng latex có bột, mặt ngoài găng có độ nhám ma sát khi cầm nắm, mức tổng lượng protein < 50µg/g	50 đôi/ hộp	Hộp	152		6
3	Khẩu trang y tế 4 lớp	Có 4 lớp, có lớp vi lọc ở giữa hiệu suất lọc 99,52%, trọng lượng 3,51gram/cái. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Hộp 50 cái	Cái	25.000		6
4	Bơm tiêm sử dụng một lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml; cỡ kim 25G x 1". Vỏ xy	01 chiếc/ túi	Chiếc	30.100		6

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
	(5 ml)	lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát. Đốc kim làm bằng chất dẻo. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, TCVN 5903) hoặc tương đương					
5	Cồn 90 độ	Trong suốt, không màu; Hàm lượng Ethanol 89.9% - 90.5%; Ph: 6-6.8; Cặn không bay hơi: <0.05%	Chai 1000ml	Chai	200		6
6	Ống nghiệm chân không EDTA K3 HTM 2.0ml	Vô trùng tuyệt đối. Dùng một lần. Ống nghiệmEDTA K2 màutím, ống nhựa kích thước 13x75 mm, chất liệu ống nghiệm bằng nhựa PET, thân ống màu trắng trong suốt, nắp cao su bọc nhựa màu tím, trong ống chứa dung dịch DikaliEDTA không màu .Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485	100 ống/ khay	Ống	20.000		6
7	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chất chống đông NaF + K3 EDTA 2 ml	Ống nghiệm chân không chứa hoạt chất chống đông NaF + K3 EDTA, sử dụng trong xét nghiệm đường huyết. Chất liệu ống được làm bằng nhựa PET trong suốt. Nắp ống được làm từ cao su và nhựa PE. Màu nắp: xám	1000 ống/ thùng	Ống	8.000		6
8	Ống nghiệm nhựa PP 5ml	Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Ống nghiệm được sản xuất bằng nhựa PP trắng đục tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và chất lượng. có nắp (màu nắp tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Thành ống dày đảm bảo chịu được lực quay ly tâm 5000 vòng/phút mà không bị rạn nứt. Có nhãn hoặc không nhãn (tùy theo nhu cầu từ người sử	100 Ống/Khay	Ống	30.000		6

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		dụng). Không có chất bôi trơn nên không gây nguy cơ nhiễm bẩn mẫu thử.					
9	La men kích thước 22x60mm	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được đề xuất: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Tiêu chuẩn nhà sản xuất/đơn vị sản xuất ISO 13485 - Kích thước (22x60) mm	100 cái/ hộp	Cái	1.000		6
10	Bông không thấm nước	Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. • Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. • Kết cấu mịn màng và mềm mại. • Không thấm nước.	Túi 1 kg	Kg	50		
11	Giấy gói dụng cụ	- Giấy chịu nhiệt sự dụng gói đồ dùng hấp sấy khử trùng. - Kích thước 120 x 150 cm/ tờ.	16 tờ / kg	kg	36		
12	Đĩa Petri bằng nhựa	Bằng nhựa, φ60 x 16 mm	10 cái/túi	Túi	100		
13	Kéo 18cm thẳng, 2 đầu nhọn	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Gói 1 cái	Cái	10		
14	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 1000ml	- Cốc có mỏ giúp dễ dàng cho việc rót ra. - Tăng khả năng chịu lực nhờ tăng độ dày thành. Vành dày, cứng. - Độ dày thành cốc đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao.	Cái	Cái	2		
15	Bình tam giác 1000ml có chia vạch	Chất liệu: Thủy tinh. Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng	Cái	Cái	2		

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		dụng có nhiệt độ cao					
16	Bộ Phễu lọc vi sinh thủy tinh	Bao gồm phễu thủy tinh, đế lọc, kẹp và nút silicon	Bộ	Bộ	6		
17	Cốc cỏ mỏ 50mL	Làm bằng chất liệu thủy tinh, có khả năng chống ăn mòn hóa học cao khi tiếp xúc với nước, axit, muối hoặc các vật chất sống. Dung tích 50ml	10 cái/hộp	cái	10		
18	Bát sứ có mỏ 200ml	Chất liệu sứ chịu nhiệt nhỏ hơn 300 độ C Dung tích 200ml	10 cái/hộp	Hộp	10		
19	Khẩu trang than hoạt tính	Thành phần của khẩu trang than gồm: Vải không dệt, vải lọc, vải than hoạt tính, vải không dệt, dây đeo, gọng nhựa. Khẩu trang được sử dụng để ngăn ngừa và lọc bụi, lọc khí, lọc mùi, … Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017, ISO 9001:2015.	50 cái/hộp	Cái	4000		
20	Giấy lọc không tro	chất liệu: Cellulose. Đường kính: 11cm	100 cái/hộp	Hộp	1		
21	Dung dịch rửa tay	Dung dịch rửa tay chứa Ethanol 70% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w)	Chai 1 lít	Chai	133		6
22	Dung dịch nước muối sinh lý 0,9%	Thành phần: NaCl 0,9%. Dung dịch dùng để rửa vết thương. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001 hoặc tương đương	Chai 1 lít	Chai	125		6
23	Dung dịch sát khuẩn da APM Povidone	Chứa hoạt chất Povidone Iodine, có khả năng sát khuẩn da. (nhà thầu chào thông số kỹ thuật bổ sung)	chai 500ml	Chai	24		6
24	Dung dịch Axit acetic 3%	Thành phần là Acid acetic (CH3COOH) 3-5%	chai 500ml	Chai	20		6
25	Dung dịch Lugol 3%	Dung dịch có chứa kali iodide cùng iod tan trong nước, mỗi 20 ml chứa: Iod 0,2g; kali Iodid 0,4g	Chai 500ml	Chai	20		6
26	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế	Thành phần: Sodium Dichloroisocyanurate Anhydrou (NaDCC) 50% (2,5g trên viên 5g)	hộp 100 viên	Hộp	5		6

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
27	Cồn 70 độ VP	Cồn y tế thành phần hóa học là C2H6O hoặc C2H5OH trong đó Ethanol 70% chủ yếu được pha loãng từ dung dịch Ethanol 96%.	chai 500ml	Chai	10		6
28	Bông y tế thấm nước	Chất liệu: bông tự nhiên đã loại mỡ (100% Cotton), tẩy trắng và làm tơi. Không gây kích ứng da. Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Thùng/ 15 cuộn/ 01 kg	Kg	17		6
29	Băng cuộn y tế 5cm x 2,5m	Thành phần là 100% cotton.	20 cuộn/gói	Cuộn	20		6
30	Băng dính 2,5cm x 5m	Vải lụa, Kẽm oxyd	12 cuộn/hộp	Cuộn	12		6
31	Dao tháo cấy	Làm bằng thép không gỉ hoặc thép carbon. Các loại thép không gỉ này thường có độ cứng 700 HV, hoặc 58,5 HRC.	Hộp (1 hộp 100 cái)	Cái	100		6
32	Mỏ vịt nhựa khám phụ khoa	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP. Độ cứng cao, trơn, nhẵn. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Thùng 200 cái	Cái	5.000		6
33	Nón phẫu thuật dạng xếp	Chất liệu vải 100% không dệt, bo thun ôm sát vòng đầu, thoáng khí. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái	Gói/ 1 cái, túi/ 100 gói	cái	100		6
34	Gel bôi trơn Kly	Thành phần: Nước, Glycerin, Hydroxyethylcellulose, Gluconolactone, Chlorhexidine Digluconate, Methyl paraben, Natri Hydroxid.	Tuýp	Tuýp	100		6
35	Gạc 5cm x 6.5cm	Sợi cotton 100% (hoặc tương đương trở lên), hút nước. Sản phẩm được tiệt trùng	Gói	Gói	20		6
36	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng (loại cao su)	Găng tay y tế tiệt trùng các số 6,5 -7 -7,5; tiệt trùng bằng khí EO; Đóng gói: 1 mặt giấy và 1 mặt ny lon trong suốt, tiệt trùng. Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	800 cái/ thùng	Cái	300		6
37	Băng gạc băng mắt 5cm x 7cm x 8 lớp, (tiệt trùng)	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, Quy cách: 5cm x 7cm x 8 lớp, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO) , Đóng	10 miếng/ gói	miếng	500		2

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		gói: 10 miếng/ gói					
38	Gạc cầu đa khoa fi 30mm x 2 lớp, tiệt trùng	Thành phần: Gạt hút nước 100% cotton, Quy cách: fi 30mm x 2 lớp, tiệt trùng	10 cái/gói	cái	500		2
39	Dung dịch Làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính enzyme THA ENZYME 4 loại 05 lít	Enzyme Protease: 4% w/w; Enzyme Lipase: 0.5% w/w; Enzyme Amylase: 0.3% w/w; Alcohol Ethoxylate: 8% w/w; Chất chống ăn mòn kim loại và cùng một số Enzyme, chất phụ gia hỗ trợ khác vừa đủ 100%.	Can 5 lít	Can	4		6
40	Dung dịch ngâm tiệt khuẩn/ khử khuẩn cấp độ cao các dụng cụ, thiết bị y tế, thiết bị nội soi.	Thành phần tối thiểu gồm: glutaraldehyde 2% + pH 6, là dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao ≤ 10 phút, sử dụng trong vòng 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 9001, ISO 13485) hoặc tương đương Quy cách đóng gói: Can ≥ 5 lít	Can 5 lít	Can	5		6
41	Sò đánh bóng răng	Cốc chứa 1,23% APF để làm sạch và đánh bóng vượt trội. Gồm nhiều hương vị khác nhau	Hộp 80 cái	Cái	100		6
42	Xốp cầm máu trong nha khoa 10x10x10mm (Cutanplast Dental)	Xốp cầm máu tự tiêu gelatin 10x10x10 mm dùng trong nha khoa. Dễ dàng sử dụng. Sản xuất tại Châu Âu tiêu chuẩn ISO, CE và ISO13485	24 miếng/ hộp	Miếng	48		6
43	Kim tiêm nha khoa - Shinject 30G S 21mm (100761-S21)	Kích thước kim 30G (0.3) x 21mm Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, CE) hoặc tương đương	Hộp/100	hộp	1		6
44	Chỉ khâu không tiêu Politer 2/0 25 1/2 round bodied (double),90 cm, green	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene, số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24mm. Được tiệt trùng. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn (FDA, ISO 13485) hoặc tương đương	Hộp/ 12 tép	tép	36		6
45	Đè lưỡi gỗ	Vật liệu bằng gỗ, không mùi, khử trùng bằng khí EO, không gây độc, không gây kích thích, dùng một lần,	Hộp 100 chiếc	Chiếc	13.000		6

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		kích thước 150x20x2mm.Có bao bảo vệ, túi 1 cái. Hộp 100 cái					
46	Giấy điện tim 6 cần	Giấy in nhiệt kiểu xấp, kích thước 110mm x 140mm, túi 1 tệp x 143sheet. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Thùng/ 60 xấp	Xấp	130		6
47	Giấy in siêu âm	Giấy dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng dùng cho máy in ảnh đen trắng SONY model UP - 897MD x 20 mét. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Hộp 10 cuộn	Cuộn	50		6
48	Fuji 9 màu A3.5	Hộp 15 gam	Hộp	Hộp	1		6
49	Xi măng trám răng hóa trùng hợp	Dạng bột và nước. Hộp gồm 1 lọ bột 15 gam và 1 lọ nước 8ml. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Hộp	Hộp	1		3
50	Hóa chất phun diệt muỗi	Hoá chất diệt muỗi Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Thành phần hoạt chất: Permethrin 50% - Quy cách đóng gói: 01 lít/ chai	01 lít/ chai	Chai	25		
51	Ống thổi chức năng hô hấp	Đường kính 20mm-24mm, chiều dài 75mm-90mm; Chất liệu: Giấy	Hộp/ 100 ống	Ống	50000		
V	**PHẦN 5: MUA PHIM X-QUANG DÙNG CHO KHOA SKNN**						
1	Phim X-quang 35x35	kích thước 35x35 cm. Là thành viên của của dòng phim CP. Công nghệ nhũ tương đồng nhất giữ cho hình ảnh luôn đảm bảo ổn định và chất lượng cao. Thời gian xủa lý phim là 90 giây tại nhiệt độ 33oC. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO13485:2016, CE	Hộp 100 tờ	Tờ	3000		3
2	Nước rửa phim X-quang (Hóa chất rửa phim Xquang hiện hình) "	Chất lỏng cô đặc được đóng trong chai nhựa PE với tem bịt PE sinh thái Tỷ lệ nạp đầy 300-600ml/m2 Một thùng chất hiện hình E.O.S.Dev. chứa thuốc hiện cho 2x20 l (2x5,28 gal)	Bộ gồm EOS Fix A: 5 lít, B:1,25 lít	Bộ	6		3

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo *(hoặc tương đương hoặc cao hơn)*	Quy cách đóng gói *(hoặc tương đương phù hợp với tổng số lượng)*	ĐVT	Số lượng	Phân loại TTBYT *(A,B,C,D)*	Phân nhóm theo TT 14/2020
		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001, CE					
3	Nước rửa phim X-quang (Hóa chất rửa phim Xquang định hình)	"Chất lỏng cô đặc được đóng trong chai nhựa PE với tem bịt PE sinh thái Tỷ lệ nạp đầy 300-600ml/m2 Một thùng chất cố định E.O.S.Fix chứa thuốc hãm cho 2 x 25 l (2 x 6,6 gal) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001, CE"	Bộ gồm EOS Dev A: 05 lít; B: 0,2 5 lít và C: 0,5 lít	Bộ	6		3
4	Phim X-quang 20x25	Kích thước: 8 inch x 10 inch. Dòng phim thang xám kỹ thuật số trực tiếp thế hệ thứ 2 Đậm độ quang học ≥ 3.2 Nền PET dày 168 µm, phủ lớp muối bạc Tính chất nhạy nhiệt giúp thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường Chứng nhận ISO 13485, ISO 9001, CE Phù hợp với các dòng máy in Drystar	Hộp 100 tờ	tờ	30000		3

PHỤ LỤC II

Báo giá hàng hóa (Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

(Kèm theo công văn số 678/-TTKSBT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Trung tâm Kểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty ….....
Địa chỉ liên hệ: .....
Điện thoại: ….....
Email: ….....
Ngày báo giá: …….
Hiệu lực của báo giá: …….

BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Công ty xin gửi tới quý đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tên hàng hóa	Tên Thương mại của hàng hóa	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Mục đích sử dụng	Tên thiết bị sử dụng hóa chất	Chủng loại (Model) của thiết bị sử dụng hóa chất)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất /nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B, C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất				Ghi chú
																		Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1																						
2																						

Ghi chú:
(2) yêu cầu nhà thầu tham chiếu với bộ mã theo thông tư số: 04/2017/TT-BYT, ngày 14/04/2017.
(14) là giá trọn gói bao gồm các loại thuê, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Trung tâm. Gía trúng thầu ưu tiên tham khảo giá đã được công khai trên cổng thông tin của BYT.

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]